

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1404/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy trình về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng
khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Công văn số 5285/BTC-ĐTNN ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 45/TTr-BQLKCNKKT ngày 15 tháng 5 năm 2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy trình về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan thiết lập quy trình liên thông, nội bộ điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (*trong trường hợp chưa thực hiện được Hệ thống tập trung*).

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ vào tình hình thực tế và các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành chủ động rà soát, kịp thời trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật bổ sung, điều chỉnh quy trình giải quyết theo quy định.

- Thực hiện biên tập thành Sổ tay hướng dẫn đầu tư để công khai, tuyên truyền thu hút đầu tư tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường có tham gia vào quy trình giải quyết thủ tục hành chính:

Phân công cán bộ, công chức, viên chức đủ năng lực, trình độ để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quy trình đảm bảo nhanh chóng, chính xác, đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng giải quyết thủ tục hành chính chậm trễ, quá hạn.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, hỗ trợ các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan cập nhật bổ sung, điều chỉnh giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, TCD, ĐM.



CHỦ TỊCH

Phan Huy Ngọc



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH

Về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(kèm theo Quyết định số: 1404/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)

Phần I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành

1. Thiết lập cơ chế phối hợp liên thông điện tử giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình giải quyết nhóm thủ tục hành chính triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý, luân chuyển, theo dõi, giám sát và trả kết quả được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch trên môi trường điện tử.
2. Tạo cơ sở pháp lý và cơ chế phối hợp đồng bộ giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan quản lý chuyên ngành; đơn vị thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; đơn vị cung cấp hạ tầng kỹ thuật; nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan.
3. Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua việc liên thông, chia sẻ dữ liệu điện tử; sử dụng thống nhất hồ sơ điện tử xuyên suốt quá trình thực hiện dự án; giảm thiểu việc yêu cầu nhà đầu tư cung cấp lại các tài liệu đã có trên hệ thống, từ đó tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.
4. Rút ngắn thời gian triển khai dự án thông qua việc tổ chức thực hiện đồng thời, liên thông điện tử các nhóm thủ tục về quy hoạch, đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng, giao thông và phòng cháy chữa cháy.
5. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc phối hợp xử lý hồ sơ; bảo đảm thời gian giải quyết theo quy định; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai dự án.
6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).
7. Làm cơ sở để theo dõi tiến độ, đánh giá trách nhiệm giải quyết hồ sơ của các cơ quan, đơn vị; kiểm soát việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy trình này quy định nguyên tắc, trình tự, phương thức phối hợp liên thông điện tử trong quá trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Việc liên thông điện tử được thực hiện thông qua: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (*trong trường hợp chưa thực hiện được Hệ thống tập trung*); Cổng Dịch vụ công quốc gia; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu số của tỉnh; các hệ thống điện tử có liên quan theo quy định.

3. Quy trình áp dụng đối với toàn bộ các giai đoạn triển khai dự án, bao gồm:

a) Khảo sát, nghiên cứu địa điểm đầu tư.

b) Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng phân khu tỷ lệ 1/2000.

c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

d) Thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng.

đ) Thực hiện giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

e) Thực hiện các thủ tục về môi trường, tài nguyên và nông nghiệp, bao gồm: đánh giá tác động môi trường; chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trồng rừng thay thế; các thủ tục chuyên ngành khác theo quy định.

g) Lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

h) Thẩm định thiết kế cơ sở; thiết kế kỹ thuật; phòng cháy chữa cháy; cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục kỹ thuật liên quan.

i) Thi công xây dựng; nghiệm thu; hoàn thành công trình và đưa công trình vào hoạt động.

4. Quy trình này không điều chỉnh trình tự xử lý nội bộ của từng cơ quan hoặc hoạt động vận hành sau khi dự án hoàn thành đầu tư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc UBND tỉnh có chỉ đạo riêng.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh: là cơ quan đầu mối điều phối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quy trình liên thông điện tử; thực hiện tiếp nhận, hướng dẫn nhà đầu tư; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xử lý các nội dung thuộc thẩm quyền.

2. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh: thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo chức năng, nhiệm vụ; tham gia thẩm định; cung cấp ý kiến chuyên ngành; cập nhật kết quả xử lý hồ sơ trên hệ thống điện tử; phối hợp chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

3. UBND cấp xã; đơn vị thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; tổ chức phát triển quỹ đất: phối hợp rà soát hiện trạng sử dụng đất; xác minh nguồn gốc đất; thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư; hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng theo quy định.

4. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp hồ sơ đầy đủ, chính xác và đúng quy định; phối hợp giải trình, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và trách nhiệm pháp lý liên quan đến dự án.

5. Đơn vị tư vấn; đơn vị quản lý và cung cấp hạ tầng kỹ thuật: phối hợp thực hiện khảo sát; lập hồ sơ thiết kế; đấu nối hạ tầng kỹ thuật; cung cấp dịch vụ chuyên ngành có liên quan.

6. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan: thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, khai thác và bảo mật dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu cung cấp trên hệ thống điện tử.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện liên thông điện tử

1. Nhà đầu tư chỉ nộp 01 bộ hồ sơ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; cơ quan nhà nước không được yêu cầu cung cấp lại hồ sơ, tài liệu đã có hoặc đã được số hóa trên hệ thống, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành yêu cầu xuất trình bản chính.

2. Hồ sơ, dữ liệu điện tử được chia sẻ, khai thác và sử dụng chung giữa các cơ quan nhà nước nhằm phục vụ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

3. Các thủ tục hành chính không phụ thuộc kết quả của nhau phải được tổ chức thực hiện đồng thời, liên thông điện tử nhằm rút ngắn thời gian xử lý nhưng vẫn bảo đảm tính pháp lý và đúng quy định pháp luật.

4. Việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ chỉ được thực hiện tối đa 01 lần; nội dung yêu cầu phải đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và không làm phát sinh thêm thủ tục ngoài quy định.

5. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia ý kiến và xử lý hồ sơ đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để chậm trễ mà không có lý do chính đáng, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

6. Toàn bộ quá trình tiếp nhận, xử lý, luân chuyển và trả kết quả hồ sơ phải được cập nhật kịp thời trên hệ thống điện tử; bảo đảm ký số, lưu vết điện tử, lưu trữ dữ liệu số và phục vụ công tác tra cứu, giám sát.

7. Việc quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu điện tử phải bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Phương thức thực hiện liên thông điện tử

1. Tiếp nhận hồ sơ

Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện thông qua các hình thức sau:

a) Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; hồ sơ giấy được số hóa ngay khi tiếp nhận.

b) Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Liên thông dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống điện tử có liên quan.

2. Luân chuyển và xử lý hồ sơ

Hệ thống điện tử thực hiện: tự động phân luồng và luân chuyển hồ sơ đến cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; cập nhật trạng thái xử lý theo thời gian thực; theo dõi tiến độ giải quyết; tự động cảnh báo hồ sơ chậm hạn hoặc quá hạn; lưu trữ và chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các cơ quan.

Việc trao đổi văn bản, tài liệu và ý kiến giữa các cơ quan được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử.

3. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Kết quả giải quyết được trả dưới dạng: bản điện tử có ký số theo quy định; bản giấy theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Bản điện tử có giá trị pháp lý và được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính tiếp theo theo quy định của pháp luật.

4. Giám sát và tương tác điện tử

Nhà đầu tư được: tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ; nhận thông báo điện tử; gửi phản ánh, kiến nghị; đánh giá mức độ hài lòng đối với quá trình giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp trên hệ thống điện tử.

5. Xử lý sự cố kỹ thuật

Trường hợp hệ thống điện tử xảy ra sự cố kỹ thuật hoặc gián đoạn hoạt động: cơ quan tiếp nhận phải thông báo kịp thời cho tổ chức, cá nhân; hướng dẫn phương án xử lý tạm thời; bảo đảm không làm gián đoạn việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ; cập nhật đầy đủ dữ liệu lên hệ thống ngay sau khi khắc phục sự cố.

Phần II QUY TRÌNH LIÊN THÔNG ĐIỆN TỬ

Mục 1 KHẢO SÁT, NGHIÊN CỨU ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ

Điều 6. Trình tự thực hiện khảo sát, nghiên cứu địa điểm đầu tư

1. Mục đích khảo sát, nghiên cứu địa điểm đầu tư

Giai đoạn khảo sát, nghiên cứu địa điểm đầu tư được thực hiện nhằm:

a) Xem xét sự phù hợp của địa điểm dự kiến đầu tư với: quy hoạch tỉnh; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp; định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Đánh giá sơ bộ khả năng triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp về: quỹ đất; điều kiện giải phóng mặt bằng; khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật; nguồn cung cấp điện, nước; hệ thống thoát nước; điều kiện bảo vệ môi trường; khả năng thu hút đầu tư thứ cấp.

c) Xác định sơ bộ: quy mô đầu tư; cơ cấu sử dụng đất; định hướng phân khu chức năng; ngành nghề thu hút đầu tư; nhu cầu sử dụng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

d) Làm cơ sở để: nghiên cứu, đề xuất chủ trương đầu tư; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; xây dựng phương án triển khai dự án; thực hiện các thủ tục hành chính tiếp theo theo quy định.

2. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Đăng ký khảo sát, nghiên cứu địa điểm đầu tư

Nhà đầu tư gửi văn bản đăng ký nghiên cứu, khảo sát địa điểm đầu tư thông qua: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Cổng dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Văn bản đăng ký được gửi đến: UBND tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh.

b) Bước 2. Giao cơ quan đầu mối nghiên cứu, xử lý

UBND tỉnh xem xét, giao Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh chủ trì: nghiên cứu; rà soát; tham mưu xử lý; hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện khảo sát địa điểm đầu tư theo quy định.

c) Bước 3. Tổ chức khảo sát và rà soát sơ bộ điều kiện đầu tư

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh chủ trì phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan liên quan: hướng dẫn nhà đầu tư khảo sát thực địa; rà soát hiện trạng khu đất; đánh giá sơ bộ điều kiện đầu tư; rà soát tính phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển khu công nghiệp.

Quá trình phối hợp được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống liên thông điện tử của tỉnh.

3. Nội dung văn bản đăng ký khảo sát của nhà đầu tư

Văn bản đăng ký khảo sát, nghiên cứu địa điểm đầu tư bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về nhà đầu tư: tên doanh nghiệp hoặc tổ chức; địa chỉ; người đại diện theo pháp luật; thông tin liên hệ; năng lực tài chính; kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự.

b) Nội dung đề xuất khảo sát: vị trí dự kiến thực hiện dự án; quy mô diện tích; phạm vi nghiên cứu; định hướng phát triển khu công nghiệp; ngành nghề dự kiến thu hút đầu tư.

c) Dự kiến nhu cầu sử dụng: đất đai; hạ tầng giao thông; cấp điện; cấp nước; thoát nước; xử lý nước thải; hạ tầng kỹ thuật liên quan.

d) Dự kiến: tổng vốn đầu tư; tiến độ thực hiện; nhu cầu lao động; hiệu quả đầu tư sơ bộ.

đ) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu phục vụ công tác rà soát, đánh giá sơ bộ.

4. Nội dung phối hợp rà soát, đánh giá sơ bộ

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh chủ trì phối hợp với: Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; UBND cấp xã; đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật; các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, đánh giá sơ bộ các nội dung sau:

a) Hiện trạng khu đất: hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng dân cư; hiện trạng công trình hiện có; khả năng giải phóng mặt bằng; khả năng bố trí tái định cư (nếu có).

b) Điều kiện quy hoạch và phát triển không gian: sự phù hợp với quy hoạch tỉnh; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; quy hoạch ngành và quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

c) Điều kiện hạ tầng kỹ thuật: khả năng kết nối giao thông; khả năng đấu nối điện; khả năng cấp nước; thoát nước; viễn thông; hạ tầng xử lý nước thải; hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

d) Điều kiện môi trường và tài nguyên: hiện trạng môi trường khu vực; yếu tố sinh thái; tài nguyên rừng; khoáng sản; nguồn nước; các yếu tố có nguy cơ ảnh hưởng đến quá trình triển khai dự án.

đ) Khả năng thu hút đầu tư và hiệu quả sơ bộ: định hướng ngành nghề thu hút đầu tư; khả năng phát triển công nghiệp; khả năng thu hút đầu tư thứ cấp; hiệu quả sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật.

5. Kết quả giai đoạn khảo sát, nghiên cứu địa điểm đầu tư

a) Kết quả khảo sát là căn cứ để nhà đầu tư: nghiên cứu đề xuất dự án đầu tư; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; xây dựng phương án đầu tư; thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

b) Kết quả khảo sát không làm phát sinh: quyền sử dụng đất; quyền đầu tư; quyền ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư; quyền triển khai dự án nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp địa điểm khảo sát không phù hợp với quy hoạch hoặc không bảo đảm điều kiện triển khai dự án, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh thông báo cho nhà đầu tư biết để nghiên cứu điều chỉnh hoặc chấm dứt việc khảo sát.

6. Phương thức thực hiện liên thông điện tử

a) Việc tiếp nhận, xử lý, trao đổi thông tin và phối hợp rà soát được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử thông qua: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; nền tảng chia sẻ dữ liệu điện tử của tỉnh.

b) Hồ sơ điện tử, văn bản trao đổi và kết quả xử lý được cập nhật trên hệ thống; ký số theo quy định; lưu trữ điện tử; phục vụ theo dõi, giám sát và tra cứu thông tin.

c) Các cơ quan tham gia phối hợp có trách nhiệm: cập nhật tiến độ xử lý; phản hồi ý kiến đúng thời hạn; bảo đảm tính chính xác của dữ liệu điện tử trên hệ thống.

7. Thời gian thực hiện

a) Thời gian khảo sát, nghiên cứu địa điểm đầu tư được thực hiện theo nhu cầu khảo sát của nhà đầu tư; tiến độ phối hợp của các cơ quan liên quan; mức độ phức tạp của địa điểm nghiên cứu.

b) Thời gian thực hiện giai đoạn khảo sát không tính vào tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo Quy trình liên thông điện tử này.

c) Việc phối hợp rà soát, cung cấp thông tin và phản hồi ý kiến của các cơ quan liên quan phải bảo đảm kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nghiên cứu dự án.

Mục 2

LẬP QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000

Điều 7. Phân bổ kinh phí và tổ chức lập quy hoạch

1. Mục đích thực hiện

Việc phân bổ kinh phí và tổ chức lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý và nguồn lực để triển khai lập quy hoạch khu công nghiệp; xác định định hướng phát triển không gian công nghiệp đồng bộ với quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất; làm cơ sở triển khai các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

2. Nội dung thực hiện

a) Đề xuất bố trí kinh phí lập quy hoạch

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh rà soát nhu cầu lập quy hoạch; xác định phạm vi, quy mô quy hoạch; lập đề xuất kinh phí thực hiện; tổng hợp nhu cầu vốn phục vụ công tác lập quy hoạch theo quy định.

b) Thẩm định và phê duyệt phân bổ kinh phí

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu kinh phí; rà soát nguồn vốn; tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân bổ kinh phí thực hiện.

c) Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch

Sau khi được bố trí kinh phí, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lựa chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực; ký kết hợp đồng tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy hoạch xây dựng.

d) Cập nhật dữ liệu điện tử

Toàn bộ hồ sơ: đề xuất kinh phí; văn bản thẩm định; quyết định phân bổ kinh phí; hợp đồng tư vấn; tài liệu liên quan phải được số hóa, ký số và cập nhật trên hệ thống điện tử để phục vụ theo dõi, giám sát và liên thông dữ liệu.

3. Cơ quan chủ trì

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh.

4. Cơ quan phối hợp

Sở Tài chính; Sở Xây dựng; các cơ quan chuyên ngành có liên quan; đơn vị cung cấp hạ tầng kỹ thuật; đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

5. Phương thức thực hiện liên thông điện tử

Hồ sơ và văn bản liên quan được: tiếp nhận; xử lý; ký số; luân chuyển; lưu trữ điện tử thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm: cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ; phản hồi ý kiến chuyên môn đúng thời hạn; chia sẻ dữ liệu điện tử phục vụ công tác lập quy hoạch.

6. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện phân bổ kinh phí và tổ chức lập quy hoạch là 19 ngày làm việc.

Điều 8. Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch

1. Mục đích thực hiện

Việc lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch nhằm: xác định phạm vi nghiên cứu; tính chất khu công nghiệp; quy mô sử dụng đất; chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc; yêu cầu hạ tầng kỹ thuật; định hướng phát triển không gian và môi trường làm cơ sở để tổ chức lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000.

2. Nội dung thực hiện

a) Lập nhiệm vụ quy hoạch

Đơn vị tư vấn phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

Nội dung nhiệm vụ quy hoạch bao gồm: phạm vi nghiên cứu; quy mô diện tích; định hướng phát triển không gian; cơ cấu sử dụng đất; yêu cầu hạ tầng kỹ thuật; chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu; yêu cầu bảo vệ môi trường; tiến độ thực hiện.

b) Lấy ý kiến cơ quan, đơn vị liên quan

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh tổ chức lấy ý kiến: các sở, ngành; UBND cấp xã; cơ quan quản lý chuyên ngành; đơn vị hạ tầng kỹ thuật; cộng đồng dân cư có liên quan.

Việc lấy ý kiến được thực hiện đồng thời trên môi trường điện tử.

c) Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch

Sở Xây dựng chủ trì thẩm định: tính phù hợp quy hoạch; chỉ tiêu kỹ thuật; định hướng phát triển không gian; khả năng kết nối hạ tầng; tính đồng bộ với quy hoạch cấp trên.

d) Hoàn thiện hồ sơ

Đơn vị lập quy hoạch tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch và cập nhật hồ sơ điện tử theo quy định.

đ) Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định pháp luật.

3. Phương thức thực hiện liên thông điện tử

a) Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch được: số hóa; ký số; cập nhật và lưu trữ điện tử; chia sẻ giữa các cơ quan thông qua hệ thống điện tử liên thông.

b) Các cơ quan tham gia góp ý, thẩm định thực hiện phản hồi trực tuyến trên hệ thống điện tử.

c) Kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt được cập nhật lên hệ thống để phục vụ các bước triển khai tiếp theo.

4. Thời gian thực hiện

Thời gian lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch là 20 ngày làm việc.

Điều 9. Lựa chọn nhà thầu lập quy hoạch

1. Nội dung thực hiện

a) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập đồ án quy hoạch theo quy định pháp luật về đấu thầu.

b) Đăng tải thông tin đấu thầu

Thông tin mời thầu được đăng tải công khai trên: Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; hệ thống điện tử có liên quan theo quy định.

c) Tổ chức lựa chọn nhà thầu

Việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, bao gồm: phát hành hồ sơ mời thầu; tiếp nhận hồ sơ dự thầu; đánh giá hồ sơ; chấm thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

d) Thương thảo và ký kết hợp đồng

Sau khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh thực hiện: thương thảo hợp đồng; hoàn thiện hồ sơ; ký kết hợp đồng tư vấn lập quy hoạch theo quy định.

2. Phương thức thực hiện liên thông điện tử

Hồ sơ lựa chọn nhà thầu được thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định pháp luật về đấu thầu qua mạng.

Toàn bộ tài liệu: kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời thầu; kết quả lựa chọn nhà thầu; hợp đồng tư vấn được cập nhật và lưu trữ điện tử trên hệ thống.

3. Thời gian thực hiện

Thời gian lựa chọn nhà thầu lập quy hoạch là 26 ngày làm việc.

Điều 10. Lập, thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000

1. Nội dung thực hiện

a) Khảo sát và lập đồ án quy hoạch

Đơn vị tư vấn thực hiện: khảo sát địa hình; khảo sát địa chất; điều tra hiện trạng; phân tích điều kiện tự nhiên; lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 theo quy định.

Nội dung đồ án bao gồm: định hướng không gian kiến trúc; cơ cấu sử dụng đất; quy hoạch giao thông; hạ tầng kỹ thuật; hệ thống cấp điện; cấp nước; thoát nước; xử lý nước thải; bảo vệ môi trường; các giải pháp kỹ thuật liên quan.

b) Lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh tổ chức lấy ý kiến: cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan chuyên ngành; UBND cấp xã; cộng đồng dân cư trong khu vực bị ảnh hưởng; đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật có liên quan.

c) Thẩm định đồ án quy hoạch

Sở Xây dựng chủ trì thẩm định các nội dung: sự phù hợp quy hoạch; chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; khả năng kết nối hạ tầng; giải pháp tổ chức không gian; bảo vệ môi trường; tính khả thi triển khai thực hiện.

d) Hoàn thiện và trình phê duyệt

Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch.

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh tổng hợp hồ sơ, ký số và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt đồ án quy hoạch theo quy định.

2. Cơ quan phối hợp

Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ngành chuyên môn có liên quan; UBND cấp xã; đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật; cơ quan chuyên ngành liên quan.

3. Cơ chế liên thông điện tử

a) Hồ sơ đồ án quy hoạch và dữ liệu bản đồ quy hoạch sau khi được phê duyệt phải được: số hóa; ký số; cập nhật lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; chia sẻ dữ liệu điện tử phục vụ triển khai các thủ tục tiếp theo.

b) Dữ liệu quy hoạch được liên thông với: cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu quy hoạch; cơ sở dữ liệu đầu tư; hệ thống quản lý xây dựng và hạ tầng kỹ thuật.

c) Các cơ quan tham gia xử lý hồ sơ được khai thác dữ liệu quy hoạch điện tử để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính mà không yêu cầu nhà đầu tư cung cấp lại hồ sơ đã có trên hệ thống.

4. Thời gian thực hiện

Thời gian lập, thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 là 120 ngày làm việc.

Mục 3

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 11. Tiếp nhận và tổ chức thẩm định hồ sơ

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Việc tiếp nhận, thẩm định và xử lý hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Quá trình xử lý hồ sơ phải bảo đảm: liên thông điện tử; chia sẻ dữ liệu số; phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan nhà nước; công khai, minh bạch; đúng thời hạn theo quy định.

c) Hồ sơ điện tử của nhà đầu tư được sử dụng xuyên suốt trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; các cơ quan nhà nước không được yêu cầu cung cấp lại các tài liệu đã có trên hệ thống, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

d) Các cơ quan tham gia thẩm định có trách nhiệm: xử lý hồ sơ đúng thời hạn; cập nhật trạng thái xử lý trên hệ thống điện tử; chịu trách nhiệm về nội dung chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

2. Phương thức tiếp nhận hồ sơ

Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất dự án đầu tư thông qua một trong các hình thức sau:

a) Trực tuyến: Cổng dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

b) Trực tiếp: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Trường hợp nộp trực tiếp: hồ sơ giấy được số hóa ngay khi tiếp nhận; dữ liệu điện tử được cập nhật lên hệ thống để thực hiện liên thông điện tử.

Hồ sơ điện tử được cấp mã hồ sơ để theo dõi, tra cứu và giám sát tiến độ xử lý trong toàn bộ quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. Thành phần hồ sơ chủ yếu

Hồ sơ đề xuất dự án đầu tư bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư.

b) Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương; tài liệu chứng minh tư cách pháp lý; giấy tờ liên quan theo quy định.

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính: báo cáo tài chính; cam kết hỗ trợ tài chính; cam kết tín dụng; tài liệu chứng minh khả năng huy động vốn; các tài liệu liên quan khác.

d) Hồ sơ đề xuất dự án đầu tư

Bao gồm: mục tiêu đầu tư; quy mô dự án; tổng vốn đầu tư; tiến độ thực hiện; nhu cầu lao động; hiệu quả kinh tế - xã hội; phương án huy động vốn; định hướng thu hút đầu tư thứ cấp; giải pháp kỹ thuật và quản lý hạ tầng khu công nghiệp.

đ) Hồ sơ về đất đai: đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trích lục bản đồ địa chính; bản đồ; tài liệu quy hoạch có liên quan.

e) Nội dung giải trình chuyên ngành: công nghệ sử dụng; phương án bảo vệ môi trường; giải pháp phòng cháy chữa cháy; khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật; giải pháp sử dụng năng lượng; hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; các nội dung khác theo quy định.

g) Các tài liệu liên quan khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Trình tự thực hiện trên hệ thống điện tử

a) Bước 1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh: tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; rà soát tính hợp lệ; số hóa hồ sơ (nếu tiếp nhận trực tiếp); cập nhật dữ liệu lên hệ thống điện tử.

b) Bước 2. Cấp mã hồ sơ và chuyển liên thông điện tử

Sau khi hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh: cấp mã hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ liên thông trên hệ thống điện tử đến các cơ quan phối hợp để thẩm định.

Các cơ quan được lấy ý kiến bao gồm: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; UBND cấp xã nơi thực hiện dự án; các cơ quan chuyên ngành và đơn vị liên quan.

c) Bước 3. Tổ chức thẩm định chuyên ngành

Các cơ quan được lấy ý kiến thực hiện: rà soát hồ sơ; thẩm định chuyên ngành; đánh giá điều kiện thực hiện dự án; cập nhật ý kiến thẩm định trên hệ thống điện tử.

Ý kiến thẩm định được: lập dưới dạng văn bản điện tử; ký số theo quy định; gửi liên thông trên hệ thống điện tử.

d) Bước 4. Theo dõi và giám sát tiến độ xử lý

Hệ thống điện tử thực hiện: cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ theo thời gian thực; theo dõi tiến độ xử lý; cảnh báo hồ sơ chậm hạn hoặc quá hạn; lưu vết toàn bộ quá trình xử lý hồ sơ điện tử.

5. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ

Việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ chỉ được thực hiện tối đa 01 lần trong quá trình thẩm định.

Nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải: đầy đủ; rõ ràng; cụ thể; xác định chính xác tài liệu cần bổ sung hoặc nội dung cần giải trình; không làm phát sinh thủ tục ngoài quy định.

Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ được thực hiện bằng văn bản điện tử thông qua hệ thống điện tử liên thông.

Nhà đầu tư có trách nhiệm: cập nhật hồ sơ hoàn thiện lên hệ thống; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu bổ sung.

6. Thời gian thực hiện

Thời gian tiếp nhận, kiểm tra và tổ chức thẩm định hồ sơ là 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thời gian nêu trên không bao gồm: thời gian nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ; thời gian giải trình; thời gian thực hiện các nội dung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Tổng hợp và rà soát hồ sơ

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh thực hiện: tổng hợp ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan; rà soát tính đầy đủ và thống nhất của hồ sơ; đánh giá điều kiện triển khai dự án; kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật.

Nội dung rà soát tập trung vào: sự phù hợp quy hoạch; nhu cầu sử dụng đất; khả năng giải phóng mặt bằng; năng lực tài chính của nhà đầu tư; khả năng huy động vốn; hiệu quả kinh tế - xã hội; khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật; giải pháp bảo vệ môi trường; giải pháp phòng cháy chữa cháy; tiến độ triển khai dự án.

2. Hoàn thiện hồ sơ

Trường hợp cần làm rõ hoặc điều chỉnh nội dung hồ sơ, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh gửi thông báo điện tử cho nhà đầu tư thông qua hệ thống điện tử.

Nhà đầu tư: thực hiện giải trình; cập nhật hồ sơ hoàn thiện; ký số hồ sơ điện tử; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của tài liệu cung cấp.

Hồ sơ hoàn thiện được cập nhật đồng bộ trên hệ thống để các cơ quan liên quan khai thác và sử dụng chung.

3. Lập báo cáo thẩm định dự án

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh lập báo cáo thẩm định dự án đầu tư theo quy định.

Báo cáo thẩm định tập trung đánh giá: sự phù hợp với quy hoạch; điều kiện sử dụng đất; khả năng triển khai dự án; năng lực tài chính của nhà đầu tư; hiệu quả đầu tư; tác động kinh tế - xã hội; giải pháp môi trường; giải pháp phòng cháy chữa cháy; giải pháp hạ tầng kỹ thuật; tiến độ thực hiện dự án; điều kiện bảo đảm thực hiện dự án theo quy định.

4. Trình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh trình UBND tỉnh xem xét quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

Hồ sơ trình bao gồm: tờ trình báo cáo thẩm định; dự thảo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; hồ sơ dự án; các văn bản thẩm định; tài liệu liên quan theo quy định.

Hồ sơ trình được ký số; cập nhật trên hệ thống điện tử; lưu trữ điện tử theo quy định.

5. Quyết định và trả kết quả

UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

Quyết định được ký số; phát hành điện tử; cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Kết quả giải quyết được gửi cho nhà đầu tư; các cơ quan liên quan; các đơn vị phối hợp thực hiện dự án thông qua hệ thống điện tử liên thông.

Quyết định điện tử có giá trị pháp lý để thực hiện các thủ tục hành chính tiếp theo theo quy định.

6. Thời gian thực hiện

Thời gian tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư là 15 ngày làm việc.

Thời gian nêu trên không bao gồm: thời gian nhà đầu tư giải trình; thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ; thời gian thực hiện các nội dung điều chỉnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 4 GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Điều 13. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng

1. Mục đích và yêu cầu

Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng được thực hiện nhằm: tạo quỹ đất sạch để triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; bảo đảm phù hợp với quy hoạch được phê duyệt; đáp ứng yêu cầu tiến độ thực hiện dự án; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất bị thu hồi.

Việc tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải bảo đảm: đúng quy định của pháp luật về đất đai; công khai, minh bạch; đúng đối tượng; đúng chính sách; đúng trình tự, thủ tục; hạn chế phát sinh khiếu nại, tranh chấp và khiếu kiện kéo dài.

Quá trình giải phóng mặt bằng phải được tổ chức đồng bộ với: tiến độ thực hiện dự án; thủ tục giao đất, cho thuê đất; các thủ tục về môi trường, xây dựng và đầu tư có liên quan.

2. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì

Trung tâm Phát triển quỹ đất chủ trì tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng theo phân công của cơ quan có thẩm quyền.

b) Cơ quan phối hợp

Các cơ quan phối hợp bao gồm: Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã nơi thực hiện dự án; cơ quan thuế; đơn vị đo đạc; đơn vị tư vấn; các cơ quan, tổ chức và đơn vị liên quan.

3. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Ban hành thông báo thu hồi đất

Căn cứ: quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; kế hoạch sử dụng đất hằng năm; quy hoạch được phê duyệt; các văn bản pháp lý liên quan, UBND cấp xã ban hành thông báo thu hồi đất theo quy định.

Nội dung thông báo thu hồi đất bao gồm: lý do thu hồi đất; vị trí và phạm vi thu hồi đất; diện tích dự kiến thu hồi; thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc và kiểm đếm; cơ quan thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kế hoạch triển khai thực hiện.

Thông báo thu hồi đất được gửi đến người sử dụng đất; niêm yết công khai; cập nhật trên hệ thống điện tử để theo dõi và giám sát.

b) Bước 2. Điều tra, khảo sát, đo đạc và kiểm đếm

Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức: điều tra hiện trạng sử dụng đất; khảo sát thực địa; đo đạc diện tích đất; kiểm đếm tài sản trên đất; xác định đối tượng bị ảnh hưởng.

Nội dung kiểm đếm bao gồm: diện tích đất; loại đất; công trình xây dựng; nhà ở; cây trồng; vật nuôi; tài sản khác gắn liền với đất; hiện trạng sử dụng và khai thác đất.

Kết quả kiểm đếm phải được lập thành biên bản; có xác nhận của các bên liên quan; được số hóa và cập nhật lên hệ thống điện tử.

c) Bước 3. Xác định nguồn gốc đất

UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan thực hiện bồi thường: xác nhận nguồn gốc sử dụng đất; xác nhận hiện trạng sử dụng đất; xác nhận nhân khẩu, hộ khẩu; rà soát điều kiện được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Việc xác nhận phải bảo đảm: chính xác; khách quan; đúng hồ sơ quản lý đất đai; đúng hiện trạng thực tế.

Hồ sơ xác nhận được cập nhật lên hệ thống điện tử để phục vụ công tác thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường.

d) Bước 4. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Trung tâm Phát triển quỹ đất lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Nội dung phương án bao gồm: diện tích thu hồi; mức bồi thường về đất; mức bồi thường tài sản trên đất; các khoản hỗ trợ; phương án tái định cư (nếu có); dự kiến kinh phí thực hiện; tiến độ chi trả và bàn giao mặt bằng.

Việc xác định giá trị bồi thường phải căn cứ: bảng giá đất; giá đất cụ thể; chính sách hỗ trợ; quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Bước 5. Niêm yết công khai và lấy ý kiến

Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã; công khai tại khu dân cư; cập nhật trên hệ thống điện tử.

Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND cấp xã: tổ chức lấy ý kiến người dân; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; tổ chức đối thoại trực tiếp khi cần thiết.

Ý kiến của người dân phải được: tổng hợp; giải trình; cập nhật vào hồ sơ điện tử.

e) Bước 6. Thẩm định và phê duyệt phương án

Hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được gửi cơ quan có thẩm quyền để thẩm định theo quy định.

Nội dung thẩm định bao gồm: tính pháp lý hồ sơ; đối tượng được bồi thường; mức bồi thường, hỗ trợ; điều kiện tái định cư; kinh phí thực hiện; sự phù hợp với quy định pháp luật.

Sau khi hoàn thiện, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Quyết định phê duyệt được: ký số; cập nhật trên hệ thống điện tử; gửi cho các cơ quan và đối tượng liên quan.

g) Bước 7. Chi trả tiền và bàn giao mặt bằng

Trung tâm Phát triển quỹ đất tổ chức: chi trả tiền bồi thường; chi trả các khoản hỗ trợ; bố trí tái định cư; tiếp nhận bàn giao mặt bằng.

Việc bàn giao mặt bằng phải: được lập biên bản; xác định rõ phạm vi bàn giao; cập nhật trên hệ thống điện tử.

Mặt bằng sau khi hoàn thành giải phóng được bàn giao cho nhà đầu tư để triển khai các thủ tục tiếp theo theo quy định.

4. Trách nhiệm của UBND cấp xã

UBND cấp xã nơi thực hiện dự án có trách nhiệm:

Phối hợp xác nhận: nguồn gốc đất; hiện trạng sử dụng đất; thông tin hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

Phối hợp: tuyên truyền; vận động người dân; hỗ trợ công tác kiểm đếm; tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư; tham gia đối thoại và giải quyết kiến nghị.

Phối hợp chứng kiến việc: kiểm đếm tài sản; chi trả bồi thường; bàn giao mặt bằng trên thực địa.

Cập nhật và cung cấp thông tin phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên hệ thống điện tử theo quy định.

5. Cơ chế liên thông điện tử

Toàn bộ hồ sơ, tài liệu và kết quả xử lý liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng phải được: số hóa; ký số; cập nhật và lưu trữ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Hồ sơ điện tử bao gồm: thông báo thu hồi đất; biên bản kiểm đếm; hồ sơ xác nhận nguồn gốc đất; phương án bồi thường; quyết định phê duyệt; biên bản chi trả; biên bản bàn giao mặt bằng; các tài liệu liên quan khác.

Trạng thái giải phóng mặt bằng được cập nhật thường xuyên trên hệ thống để nhà đầu tư; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát và phục vụ thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất và các thủ tục tiếp theo.

Hệ thống điện tử thực hiện: theo dõi tiến độ; cảnh báo quá hạn; lưu vết xử lý hồ sơ; hỗ trợ tra cứu và giám sát toàn bộ quá trình giải phóng mặt bằng.

6. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng là 140 ngày làm việc.

Thời gian nêu trên không bao gồm: thời gian giải quyết khiếu nại, tố cáo; thời gian cưỡng chế thu hồi đất; thời gian xử lý tranh chấp đất đai; trường hợp bất khả kháng; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Mục 5 GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT

Điều 14. Giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1. Mục đích thực hiện

Việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm thiết lập cơ sở pháp lý về quyền sử dụng đất cho nhà đầu tư; bảo đảm điều kiện triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; bảo đảm việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích được phê duyệt.

Việc giao đất, cho thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; đầu tư; xây dựng; môi trường; các quy định pháp luật có liên quan.

Quá trình thực hiện phải bảo đảm: công khai; minh bạch; liên thông điện tử; đồng bộ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án.

2. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thực hiện: thủ tục giao đất; cho thuê đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

b) Cơ quan phối hợp

Các cơ quan phối hợp bao gồm: Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Sở Tài chính; cơ quan thuế; UBND cấp xã; văn phòng đăng ký đất đai; đơn vị đo đạc địa chính; các cơ quan và đơn vị có liên quan.

3. Căn cứ thực hiện

Việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện trên cơ sở:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.
- Quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Kế hoạch sử dụng đất hằng năm đã được phê duyệt.
- Kết quả giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng sạch.
- Hồ sơ địa chính, dữ liệu đất đai và các tài liệu pháp lý có liên quan.
- Điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Trình tự thực hiện trên môi trường điện tử

a) Bước 1. Nộp hồ sơ

Nhà đầu tư nộp hồ sơ thông qua: Công dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Hồ sơ điện tử được tiếp nhận; cấp mã hồ sơ; cập nhật trên hệ thống điện tử để theo dõi và xử lý liên thông.

b) Bước 2. Kiểm tra và thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện: kiểm tra thành phần hồ sơ; rà soát tính hợp lệ; kiểm tra điều kiện giao đất hoặc cho thuê đất; thẩm định nhu cầu sử dụng đất; số hóa tài liệu và cập nhật hồ sơ điện tử.

Nội dung thẩm định bao gồm: sự phù hợp quy hoạch; hiện trạng sử dụng đất; điều kiện pháp lý khu đất; kết quả giải phóng mặt bằng; diện tích giao đất hoặc cho thuê đất; điều kiện sử dụng đất theo quy định.

c) Bước 3. Phối hợp liên thông điện tử

Sở Nông nghiệp và Môi trường chuyển hồ sơ điện tử để lấy ý kiến các cơ quan liên quan thông qua hệ thống điện tử liên thông.

Các cơ quan được lấy ý kiến bao gồm: Sở Tài chính; cơ quan thuế; Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; UBND cấp xã; các cơ quan chuyên ngành có liên quan.

Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm: thẩm định nội dung thuộc phạm vi quản lý; phản hồi bằng văn bản điện tử ký số; cập nhật trạng thái xử lý trên hệ thống.

d) Bước 4. Xác định nghĩa vụ tài chính

Cơ quan thuế thực hiện: xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; tính tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất; xác định các khoản phí, lệ phí theo quy định.

Thông báo nghĩa vụ tài chính được: ký số; gửi cho nhà đầu tư thông qua hệ thống điện tử; cập nhật trên hệ thống để theo dõi thực hiện.

Nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

đ) Bước 5. Quyết định giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Sau khi nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ; trình UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định cho thuê đất.

Sau khi quyết định giao đất hoặc cho thuê đất được ban hành, cơ quan có thẩm quyền thực hiện: cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cập nhật hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

Quyết định giao đất, cho thuê đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được: ký số; phát hành điện tử; lưu trữ trên hệ thống điện tử.

e) Bước 6. Bàn giao đất thực địa

Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với chính quyền địa phương; cơ quan quản lý đất đai; nhà đầu tư; đơn vị liên quan tổ chức bàn giao đất ngoài thực địa.

Nội dung bàn giao bao gồm: xác định vị trí; xác định ranh giới; bàn giao mốc giới; xác định diện tích bàn giao thực tế.

Việc bàn giao đất phải: được lập biên bản; ký xác nhận của các bên liên quan; cập nhật dưới dạng hồ sơ điện tử trên hệ thống.

5. Nội dung chuyên môn chủ yếu

Trích lục bản đồ địa chính hoặc tổ chức đo đạc địa chính khu đất.

Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; điều kiện giao đất; điều kiện cho thuê đất; điều kiện sử dụng đất theo quy định.

Xác định diện tích sử dụng; hình thức sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất; nghĩa vụ tài chính liên quan.

Ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất theo quy định.

Cập nhật, chỉnh lý: hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu điện tử liên thông.

6. Cơ chế liên thông và chia sẻ dữ liệu điện tử

Toàn bộ quá trình xử lý hồ sơ từ tiếp nhận đến trả kết quả được thực hiện trên môi trường điện tử.

Hồ sơ, dữ liệu và kết quả xử lý phải được: số hóa; ký số; cập nhật; lưu trữ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và hệ thống dữ liệu chuyên ngành đất đai.

Dữ liệu giao đất, cho thuê đất được liên thông với: cơ sở dữ liệu đầu tư; cơ sở dữ liệu quy hoạch; cơ sở dữ liệu xây dựng; cơ sở dữ liệu đất đai; hệ thống quản lý hạ tầng kỹ thuật.

Nhà đầu tư và các cơ quan liên quan được: tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ; theo dõi tình trạng thực hiện nghĩa vụ tài chính; khai thác dữ liệu điện tử theo thẩm quyền.

Hệ thống điện tử thực hiện: giám sát tiến độ xử lý; cảnh báo hồ sơ chậm hạn; lưu vết toàn bộ quá trình xử lý hồ sơ; hỗ trợ công khai, minh bạch và kiểm tra, giám sát.

7. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 43 ngày làm việc.

Thời gian nêu trên không bao gồm: thời gian nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính; thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ; thời gian giải quyết tranh chấp đất đai; thời gian xử lý vi phạm pháp luật về đất đai (nếu có); các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Mục 6

THỦ TỤC THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Thực hiện các thủ tục lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

1. Mục đích thực hiện

Việc thực hiện các thủ tục thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường nhằm bảo đảm đầy đủ điều kiện pháp lý để triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; bảo đảm việc sử dụng đất, sử dụng rừng, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường đúng quy định của pháp luật; hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, hệ sinh thái và tài nguyên đất, rừng, khoáng sản trong khu vực thực hiện dự án.

Các thủ tục thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được tổ chức thực hiện đồng bộ với công tác giải phóng mặt bằng; thủ tục giao đất, cho thuê đất; thủ tục môi trường; lập dự án đầu tư xây dựng; thiết kế kỹ thuật và thi công hạ tầng kỹ thuật.

Việc giải quyết thủ tục phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục; đúng thẩm quyền; công khai, minh bạch; liên thông dữ liệu điện tử; không làm kéo dài tiến độ triển khai dự án.

2. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì: tiếp nhận; thẩm định; tham mưu giải quyết; tổ chức thực hiện các thủ tục thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo thẩm quyền.

b) Cơ quan phối hợp

Các cơ quan phối hợp bao gồm: Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Sở Tài chính; cơ quan quản lý khoáng sản; UBND cấp xã; cơ quan chuyên ngành liên quan; nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các nhóm thủ tục chủ yếu

a) Thủ tục nộp tiền trồng rừng thay thế

Thủ tục nộp tiền trồng rừng thay thế được thực hiện trong trường hợp: dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; nhà đầu tư không tự tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định.

Nội dung thực hiện bao gồm: rà soát hiện trạng và diện tích rừng bị ảnh hưởng; xác định loại rừng; xác định diện tích phải trồng rừng thay thế; xác định mức kinh phí phải nộp; ban hành thông báo nghĩa vụ tài chính; xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế.

Hồ sơ, kết quả xử lý và thông tin nghĩa vụ tài chính được: cập nhật; ký số; lưu trữ trên hệ thống điện tử.

b) Thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được thực hiện đối với phần diện tích đất rừng nằm trong phạm vi dự án theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

Nội dung thực hiện bao gồm: rà soát hiện trạng rừng; xác định loại rừng; xác định diện tích chuyển mục đích; lập hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng; tổ chức thẩm định; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nội dung thẩm định tập trung vào: sự phù hợp quy hoạch; nhu cầu sử dụng đất; tác động môi trường; giải pháp bảo vệ và phát triển rừng; phương án trồng rừng thay thế; tính cần thiết của dự án.

Quyết định chấp thuận chuyển mục đích sử dụng rừng được cập nhật trên hệ thống điện tử; chia sẻ dữ liệu với các cơ quan liên quan để phục vụ thủ tục đất đai, đầu tư và môi trường.

c) Thủ tục điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng

Thủ tục điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng được thực hiện khi có thay đổi: quy mô diện tích; ranh giới dự án; loại rừng; phạm vi sử dụng đất; nội dung đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận trước đó.

Nội dung điều chỉnh bao gồm: rà soát hiện trạng thay đổi; cập nhật hồ sơ kỹ thuật; lập hồ sơ điều chỉnh; tổ chức thẩm định; trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Việc điều chỉnh phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quy hoạch phát triển rừng; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư.

d) Thủ tục xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản

Thủ tục xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được thực hiện trong trường hợp: phát sinh hoạt động thu hồi khoáng sản trong quá trình san gạt mặt bằng; thi công công trình; cải tạo địa hình phục vụ dự án.

Khoáng sản thu hồi bao gồm: đất dư thừa; đá; vật liệu san lấp; khoáng sản đi kèm theo quy định.

Nội dung thực hiện bao gồm: xác định vị trí và khối lượng khoáng sản thu hồi; lập hồ sơ đăng ký; kiểm tra hiện trạng; xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản; quản lý việc vận chuyển và sử dụng khoáng sản thu hồi theo quy định pháp luật.

Việc thu hồi khoáng sản phải bảo đảm: không gây thất thoát tài nguyên; không gây ô nhiễm môi trường; đúng khối lượng và phạm vi được xác nhận.

4. Phương thức thực hiện và cơ chế phối hợp liên thông

a) Thực hiện đồng thời

Các thủ tục thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được tổ chức thực hiện song song với công tác giải phóng mặt bằng; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; khảo sát xây dựng; lập thiết kế kỹ thuật; thủ tục đầu tư và xây dựng.

Việc thực hiện đồng thời nhằm rút ngắn thời gian triển khai dự án; hạn chế chồng chéo thủ tục; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước.

b) Phối hợp liên thông điện tử

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Sở Tài chính; UBND cấp xã; các cơ quan chuyên ngành liên quan để giải quyết thủ tục trên môi trường điện tử.

Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm: cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ; phản hồi ý kiến chuyên ngành; chia sẻ dữ liệu điện tử; phối hợp giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình xử lý hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc chỉnh sửa, cơ quan chủ trì thực hiện thông báo điện tử cho nhà đầu tư theo quy định.

5. Cơ chế điện tử và liên thông dữ liệu

a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ điện tử

Nhà đầu tư thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến thông qua: Cổng dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Hồ sơ điện tử được tiếp nhận; cấp mã hồ sơ; phân luồng xử lý tự động; theo dõi tiến độ xử lý trên hệ thống.

b) Số hóa, ký số và lưu trữ dữ liệu

Toàn bộ hồ sơ, tài liệu, văn bản thẩm định và kết quả giải quyết phải được số hóa; ký số; cập nhật; lưu trữ điện tử theo quy định.

Kết quả điện tử có giá trị pháp lý để sử dụng cho các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật.

c) Chia sẻ và khai thác dữ liệu

Dữ liệu được chia sẻ giữa hệ thống giải quyết thủ tục hành chính; cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu quy hoạch; cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống quản lý đầu tư và xây dựng.

Các cơ quan tham gia giải quyết thủ tục không được yêu cầu nhà đầu tư cung cấp lại hồ sơ, dữ liệu đã có trên hệ thống điện tử.

Nhà đầu tư được quyền: tra cứu trạng thái hồ sơ; theo dõi tiến độ xử lý; nhận thông báo điện tử; khai thác kết quả xử lý theo quy định.

6. Trách nhiệm của nhà đầu tư

Lập và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Chịu trách nhiệm về: tính chính xác; tính trung thực; tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu và số liệu cung cấp.

Phối hợp với cơ quan chức năng: khảo sát hiện trạng; kiểm tra thực địa; giải trình hồ sơ; bổ sung tài liệu theo yêu cầu.

Thực hiện đầy đủ: nghĩa vụ tài chính; nghĩa vụ bảo vệ môi trường; trách nhiệm về quản lý tài nguyên và khoáng sản theo quy định pháp luật.

7. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện các thủ tục thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tối đa 135 ngày làm việc, tùy theo: tính chất thủ tục; quy mô dự án; thẩm quyền giải quyết; phạm vi diện tích rừng và tài nguyên liên quan.

Thời gian nêu trên không bao gồm: thời gian nhà đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính; thời gian lấy ý kiến cơ quan Trung ương; thời gian giải quyết vướng mắc, tranh chấp; trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Mục 7

LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Điều 16. Lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng

1. Mục đích thực hiện

Việc lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng nhằm đánh giá toàn diện sự cần thiết đầu tư; đánh giá tính khả thi về kỹ thuật, tài chính, môi trường và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; làm cơ sở để quyết định đầu tư xây dựng dự án hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Báo cáo nghiên cứu khả thi là căn cứ để triển khai thiết kế xây dựng; thực hiện thủ tục đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy; tổ chức thi công xây dựng công trình; quản lý tổng mức đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Việc lập và thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi phải bảo đảm phù hợp quy hoạch được duyệt; phù hợp chủ trương đầu tư; bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, an toàn công trình và phát triển bền vững.

2. Căn cứ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

Nhà đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi trên cơ sở các tài liệu và căn cứ pháp lý sau:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.
- Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Kết quả khảo sát xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất và hiện trạng khu vực dự án.
- Nhu cầu sử dụng đất, hiện trạng giải phóng mặt bằng và điều kiện hạ tầng kỹ thuật khu vực.
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật về xây dựng; đất đai; môi trường; phòng cháy chữa cháy; hạ tầng kỹ thuật; giao thông và các lĩnh vực liên quan.

Các tài liệu pháp lý, số liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ công tác lập dự án.

3. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi

Báo cáo nghiên cứu khả thi phải bảo đảm đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Nội dung chủ yếu của Báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm:

a) Thông tin chung về dự án: tên dự án; chủ đầu tư; mục tiêu đầu tư; địa điểm thực hiện; quy mô đầu tư; diện tích sử dụng đất; tiến độ thực hiện; thời hạn hoạt động của dự án.

b) Phân tích sự cần thiết và hiệu quả đầu tư: đánh giá nhu cầu phát triển khu công nghiệp; khả năng thu hút đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội; tác động đến phát triển hạ tầng và lao động địa phương.

c) Phương án quy hoạch và sử dụng đất: tổ chức không gian kiến trúc; phương án phân khu chức năng; chỉ tiêu sử dụng đất; phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật; phương án giao thông nội bộ và đối ngoại.

d) Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư: hiện trạng sử dụng đất; phạm vi giải phóng mặt bằng; nhu cầu tái định cư; tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

đ) Thiết kế cơ sở: giải pháp thiết kế hạ tầng kỹ thuật; san nền; giao thông; cấp điện; cấp nước; thoát nước; xử lý nước thải; viễn thông; cây xanh và hạ tầng kỹ thuật khác.

e) Giải pháp môi trường và phòng cháy chữa cháy: giải pháp bảo vệ môi trường; thu gom và xử lý chất thải; phòng ngừa ô nhiễm; phương án phòng cháy chữa cháy; giải pháp ứng phó sự cố môi trường.

g) Tổng mức đầu tư và hiệu quả tài chính: tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn; phương án huy động vốn; phân tích hiệu quả tài chính; chi phí vận hành và khai thác.

h) Tiến độ thực hiện dự án: tiến độ giải phóng mặt bằng; tiến độ thi công; tiến độ hoàn thành hạ tầng; tiến độ đưa dự án vào khai thác.

4. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp thẩm định

a) Cơ quan chủ trì

Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng theo quy định.

b) Cơ quan phối hợp

Các cơ quan phối hợp bao gồm: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Công an tỉnh; các cơ quan quản lý chuyên ngành; đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật và các cơ quan liên quan.

c) Nội dung thẩm định

Nội dung thẩm định tập trung vào: sự phù hợp quy hoạch; sự phù hợp chủ trương đầu tư; giải pháp kỹ thuật; thiết kế cơ sở; phương án sử dụng đất; tổng mức đầu tư; hiệu quả đầu tư; bảo vệ môi trường; phòng cháy chữa cháy; khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật.

5. Trình tự thực hiện trên môi trường điện tử

a) Nộp hồ sơ điện tử

Nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tuyến thông qua: Cổng dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Hồ sơ được tiếp nhận; cấp mã hồ sơ điện tử; cập nhật trạng thái xử lý trên hệ thống.

b) Tổ chức thẩm định liên thông

Sở Xây dựng chủ trì: kiểm tra hồ sơ; tổ chức thẩm định; chuyển hồ sơ điện tử lấy ý kiến các cơ quan phối hợp.

Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm: nghiên cứu hồ sơ; thẩm định nội dung chuyên ngành; phản hồi bằng văn bản điện tử ký số trên hệ thống.

Việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ: chỉ thực hiện tối đa 01 lần; được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử; phải nêu rõ nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung.

c) Phê duyệt và trả kết quả

Sau khi hoàn thành thẩm định, Sở Xây dựng tổng hợp kết quả thẩm định; hoàn thiện hồ sơ gửi Chủ đầu tư phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

Quyết định phê duyệt dự án được: ký số; phát hành điện tử; cập nhật trên hệ thống điện tử để phục vụ các thủ tục tiếp theo.

Kết quả điện tử có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật.

6. Phương thức thực hiện theo cơ chế “Luồng xanh”

Quá trình lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi được tổ chức theo cơ chế “Luồng xanh” nhằm: rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục; tăng cường phối hợp liên ngành; đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án.

Các thủ tục được tổ chức thực hiện đồng thời gồm: giải phóng mặt bằng; giao đất, cho thuê đất; thủ tục môi trường; thủ tục lâm nghiệp; khảo sát xây dựng; thiết kế kỹ thuật; phòng cháy chữa cháy; thủ tục đấu nối hạ tầng kỹ thuật.

Các cơ quan tham gia xử lý hồ sơ có trách nhiệm: ưu tiên tiếp nhận và xử lý hồ sơ; phối hợp giải quyết ngay các nội dung phát sinh; cập nhật trạng thái xử lý theo thời gian thực trên hệ thống điện tử.

7. Yêu cầu về dữ liệu và liên thông điện tử

Toàn bộ hồ sơ, tài liệu và kết quả xử lý phải được số hóa; ký số; lưu trữ điện tử; cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Dữ liệu dự án được chia sẻ liên thông với cơ sở dữ liệu đầu tư; cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu quy hoạch; cơ sở dữ liệu xây dựng; cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống quản lý phòng cháy chữa cháy.

Nhà đầu tư và các cơ quan liên quan được theo dõi tiến độ xử lý; tra cứu trạng thái hồ sơ; khai thác dữ liệu điện tử theo thẩm quyền.

Hệ thống điện tử thực hiện: lưu vết xử lý hồ sơ; giám sát tiến độ; cảnh báo hồ sơ quá hạn; hỗ trợ công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

8. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi là 75 ngày làm việc.

Thời gian nêu trên không bao gồm: thời gian nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ; thời gian khảo sát bổ sung; thời gian lấy ý kiến cơ quan Trung ương; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính; các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Mục 8

THIẾT KẾ CƠ SỞ VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 17. Lập, thẩm tra, thẩm định thiết kế cơ sở và hồ sơ phòng cháy chữa cháy

1. Mục đích thực hiện

Việc lập, thẩm tra và thẩm định thiết kế cơ sở nhằm bảo đảm dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch được duyệt; đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn xây dựng và an toàn công trình; bảo đảm khả năng kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp.

Việc lập và thẩm duyệt hồ sơ phòng cháy chữa cháy nhằm: bảo đảm an toàn cháy nổ cho công trình; đáp ứng yêu cầu cứu nạn, cứu hộ; hạn chế nguy cơ xảy ra sự cố trong quá trình thi công và vận hành dự án.

Thiết kế cơ sở và hồ sơ phòng cháy chữa cháy là căn cứ để triển khai thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công; thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật.

2. Căn cứ lập thiết kế cơ sở và hồ sơ phòng cháy chữa cháy

Nhà đầu tư tổ chức lập thiết kế cơ sở trên cơ sở: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt; Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định; kết quả khảo sát xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Hồ sơ phòng cháy chữa cháy được lập theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; xây dựng; an toàn công trình; an toàn hạ tầng kỹ thuật.

3. Nội dung thực hiện

a) Lập hồ sơ thiết kế cơ sở

Nhà đầu tư hoặc đơn vị tư vấn đủ điều kiện năng lực thực hiện lập hồ sơ thiết kế cơ sở.

Nội dung thiết kế cơ sở bao gồm: thuyết minh thiết kế; phương án kiến trúc; giải pháp san nền; hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước mưa và nước thải; hệ thống xử lý nước thải; hạ tầng viễn thông; cây xanh; các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Thiết kế cơ sở phải bảo đảm phù hợp quy hoạch được duyệt; đồng bộ hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng yêu cầu vận hành khu công nghiệp; bảo đảm an toàn công trình và bảo vệ môi trường.

b) Lập hồ sơ phòng cháy chữa cháy

Nhà đầu tư đồng thời tổ chức lập hồ sơ thiết kế phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Nội dung hồ sơ phòng cháy chữa cháy bao gồm: giải pháp giao thông phục vụ chữa cháy; hệ thống cấp nước chữa cháy; hệ thống báo cháy; hệ thống chữa cháy; giải pháp thoát nạn; phương án cứu nạn, cứu hộ; các giải pháp kỹ thuật phòng cháy chữa cháy khác.

Hồ sơ phòng cháy chữa cháy phải bảo đảm phù hợp với tính chất công trình; quy mô dự án; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng cháy chữa cháy.

4. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở

Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng.

b) Cơ quan thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy

Công an tỉnh thực hiện thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy theo thẩm quyền.

c) Cơ quan phối hợp

Các cơ quan phối hợp gồm: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; các cơ quan quản lý chuyên ngành; đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật liên quan.

5. Trình tự thực hiện trên môi trường điện tử

a) Tiếp nhận hồ sơ

Nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tuyến thông qua: Cổng dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Hồ sơ được: tiếp nhận; cấp mã hồ sơ điện tử; số hóa; cập nhật trạng thái xử lý trên hệ thống điện tử.

b) Tổ chức thẩm định và thẩm duyệt liên thông

Sở Xây dựng chủ trì: kiểm tra thành phần hồ sơ; tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở; lấy ý kiến các cơ quan phối hợp trên môi trường điện tử.

Công an tỉnh thực hiện: tiếp nhận hồ sơ PCCC; tổ chức thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy; trả kết quả điện tử theo quy định.

Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm: tham gia thẩm định chuyên ngành; phản hồi bằng văn bản điện tử ký số; cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ trên hệ thống.

c) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ

Việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ: chỉ được thực hiện tối đa 01 lần; phải thực hiện thông qua hệ thống điện tử; phải nêu rõ nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung.

Thời gian nhà đầu tư bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

d) Trả kết quả điện tử

Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy được ký số; phát hành điện tử; cập nhật lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Kết quả điện tử có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

6. Cơ chế thực hiện liên thông và “Luồng xanh”

Việc lập, thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy được tổ chức thực hiện theo cơ chế liên thông điện tử và “Luồng xanh” nhằm rút ngắn thời gian xử lý; giảm thủ tục trung gian; bảo đảm tiến độ triển khai dự án.

Các thủ tục được thực hiện đồng thời gồm: giải phóng mặt bằng; giao đất, cho thuê đất; thủ tục môi trường; Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát xây dựng; thiết kế kỹ thuật; đấu nối hạ tầng kỹ thuật.

Các cơ quan tham gia giải quyết thủ tục có trách nhiệm: ưu tiên xử lý hồ sơ; phối hợp xử lý ngay các nội dung phát sinh; chia sẻ dữ liệu điện tử phục vụ công tác thẩm định.

7. Yêu cầu về dữ liệu và lưu trữ điện tử

Toàn bộ hồ sơ, tài liệu, bản vẽ và kết quả xử lý phải được: số hóa; ký số; lưu trữ điện tử; cập nhật lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Dữ liệu được liên thông với cơ sở dữ liệu quy hoạch; cơ sở dữ liệu xây dựng; cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống quản lý phòng cháy chữa cháy.

Nhà đầu tư và cơ quan có liên quan được tra cứu trạng thái xử lý hồ sơ; khai thác dữ liệu điện tử theo phân quyền; theo dõi tiến độ giải quyết theo thời gian thực.

8. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện lập, thẩm tra, thẩm định thiết kế cơ sở và hồ sơ phòng cháy chữa cháy là 95 ngày làm việc.

Thời gian nêu trên không bao gồm: thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ; thời gian khảo sát, thí nghiệm bổ sung; thời gian lấy ý kiến cơ quan Trung ương; các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Mục đích thực hiện

Việc lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm đánh giá và dự báo tác động của dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội; xác định các nguy cơ ô nhiễm môi trường; đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó sự cố môi trường.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cơ quan nhà nước xem xét điều kiện triển khai dự án; kiểm soát tác động môi trường trong quá trình thi công và vận hành; thực hiện các thủ tục môi trường tiếp theo theo quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

Nhà đầu tư có trách nhiệm: tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy chuẩn và quy định pháp luật; bảo đảm tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin và tài liệu trong hồ sơ.

Nhà đầu tư tổ chức: khảo sát hiện trạng môi trường; lấy mẫu, phân tích môi trường; đánh giá tác động môi trường của dự án; xây dựng phương án giảm thiểu ô nhiễm và ứng phó sự cố môi trường.

Nhà đầu tư thực hiện tham vấn: cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp; tổ chức liên quan; UBND cấp xã nơi thực hiện dự án.

Kết quả tham vấn phải được tổng hợp đầy đủ; giải trình tiếp thu; cập nhật trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

b) Cơ quan phối hợp

Các cơ quan phối hợp gồm: Các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; UBND cấp xã nơi thực hiện dự án; các cơ quan chuyên ngành; đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật liên quan.

4. Trình tự thực hiện trên môi trường điện tử

a) Tiếp nhận hồ sơ điện tử

Nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tuyến thông qua: Cổng dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ.

Hồ sơ được tiếp nhận; cấp mã hồ sơ điện tử; số hóa; cập nhật trạng thái xử lý trên hệ thống.

b) Tổ chức thẩm định

Cơ quan chủ trì tổ chức: Lập hội đồng thẩm định; lấy ý kiến chuyên gia; lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định.

Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm: tham gia góp ý chuyên ngành; phản hồi bằng văn bản điện tử ký số; cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ trên hệ thống điện tử.

c) Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu, cơ quan chủ trì: thông báo điện tử cho nhà đầu tư; nêu rõ nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung.

Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện tối đa 01 lần, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

d) Phê duyệt và trả kết quả

Sau khi hoàn thành thẩm định, cơ quan có thẩm quyền: ban hành Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; ký số và phát hành điện tử kết quả giải quyết.

Kết quả được cập nhật lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để phục vụ các thủ tục đầu tư xây dựng tiếp theo; chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các cơ quan nhà nước.

5. Cơ chế phối hợp và thực hiện đồng thời

Việc lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được tổ chức thực hiện đồng thời với công tác giải phóng mặt bằng; lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; lập thiết kế cơ sở; thủ tục đất đai; thủ tục phòng cháy chữa cháy.

Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp liên thông; chia sẻ dữ liệu điện tử; hạn chế yêu cầu cung cấp lại hồ sơ đã có trên hệ thống.

Việc phối hợp liên thông nhằm tối ưu hóa tiến độ thực hiện dự án; giảm thời gian xử lý thủ tục; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

6. Yêu cầu về dữ liệu và lưu trữ điện tử

Toàn bộ hồ sơ, báo cáo, kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt phải được: số hóa; ký số; lưu trữ điện tử; cập nhật trên hệ thống điện tử của tỉnh.

Dữ liệu môi trường được chia sẻ với cơ sở dữ liệu đầu tư; cơ sở dữ liệu xây dựng; cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu môi trường; các hệ thống chuyên ngành liên quan.

Nhà đầu tư được quyền tra cứu trạng thái xử lý hồ sơ; nhận thông báo điện tử; khai thác kết quả điện tử theo quy định.

7. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là 133 ngày làm việc.

Thời gian nêu trên không bao gồm: thời gian nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ; thời gian khảo sát, lấy mẫu bổ sung; thời gian tham vấn lại cộng đồng; thời gian lấy ý kiến cơ quan Trung ương; các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Mục 9

THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG VÀ THI CÔNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 19. Lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công

1. Mục đích thực hiện

Việc lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công nhằm cụ thể hóa các giải pháp kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; bảo đảm đủ điều kiện triển khai thi công xây dựng công trình; bảo đảm sự phù hợp với thiết kế cơ sở đã được thẩm định và quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

Thiết kế kỹ thuật thi công là cơ sở để tổ chức thi công xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng.

Việc thẩm định và thẩm duyệt phải bảo đảm tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; bảo đảm an toàn công trình; bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy; đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và an toàn vận hành hạ tầng kỹ thuật.

2. Căn cứ thực hiện

Việc lập thiết kế kỹ thuật thi công được thực hiện trên cơ sở: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; kết quả thẩm định thiết kế cơ sở; Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 được duyệt; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; kết quả khảo sát xây dựng và khảo sát địa chất công trình.

Hồ sơ thiết kế phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành; quy định pháp luật về xây dựng, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

3. Nội dung thực hiện

a) Lập thiết kế kỹ thuật thi công

Nhà đầu tư tổ chức lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công thông qua tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

Nội dung hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công bao gồm: thuyết minh thiết kế; bản vẽ kỹ thuật thi công; giải pháp kết cấu công trình; giải pháp hạ tầng kỹ thuật; dự toán xây dựng; biện pháp tổ chức thi công; các tài liệu kỹ thuật liên quan.

Hồ sơ thiết kế phải thể hiện đầy đủ: phương án san nền; hệ thống giao thông; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; hệ thống xử lý nước thải; hệ thống chiếu sáng; hạ tầng viễn thông; công trình bảo vệ môi trường; hệ thống phòng cháy chữa cháy.

b) Thẩm tra thiết kế kỹ thuật thi công

Nhà đầu tư tổ chức thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công theo quy định pháp luật về xây dựng.

Nội dung thẩm tra tập trung vào sự phù hợp với thiết kế cơ sở; giải pháp kỹ thuật; an toàn chịu lực công trình; tính đồng bộ hạ tầng kỹ thuật; tổng mức đầu tư và dự toán xây dựng; an toàn vận hành công trình.

c) Thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy

Nhà đầu tư gửi hồ sơ thiết kế phòng cháy chữa cháy đến cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm duyệt theo quy định.

Nội dung thẩm duyệt bao gồm: giải pháp giao thông chữa cháy; nguồn nước chữa cháy; hệ thống báo cháy; hệ thống chữa cháy; giải pháp thoát nạn; phương án cứu nạn, cứu hộ; các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy khác.

d) Phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công

Sau khi hoàn thành thẩm định và thẩm duyệt, nhà đầu tư tổ chức phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công theo quy định.

Quyết định phê duyệt là căn cứ để cấp phép xây dựng; triển khai thi công công trình; quản lý chất lượng xây dựng.

4. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì thẩm định

Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công theo quy định của pháp luật về xây dựng.

b) Cơ quan phối hợp

Các cơ quan phối hợp gồm: Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; các cơ quan quản lý chuyên ngành và đơn vị hạ tầng kỹ thuật liên quan.

5. Trình tự thực hiện trên môi trường điện tử

a) Tiếp nhận hồ sơ điện tử

Nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tuyến thông qua: Cổng dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Hồ sơ được tiếp nhận; cấp mã hồ sơ điện tử; số hóa; cập nhật trạng thái xử lý trên hệ thống.

b) Tổ chức thẩm định và thẩm duyệt liên thông

Sở Xây dựng chủ trì: kiểm tra hồ sơ; tổ chức thẩm định; lấy ý kiến các cơ quan phối hợp trên môi trường điện tử.

Công an tỉnh tổ chức: tiếp nhận hồ sơ PCCC; thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy; trả kết quả điện tử theo quy định.

Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm phản hồi ý kiến chuyên ngành đúng thời hạn; cập nhật kết quả xử lý hồ sơ trên hệ thống điện tử; chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác liên thông.

c) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ

Việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ: chỉ thực hiện tối đa 01 lần; thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử; phải nêu rõ nội dung cần bổ sung hoặc chỉnh sửa.

Thời gian nhà đầu tư chỉnh sửa hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

d) Trả kết quả điện tử

Kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy được ký số; phát hành điện tử; cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Kết quả điện tử có giá trị pháp lý để thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật.

6. Cơ chế thực hiện đồng thời và “Luồng xanh”

Quá trình lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công được thực hiện theo cơ chế “Luồng xanh” nhằm rút ngắn thời gian triển khai dự án; tăng cường phối hợp liên ngành; giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính.

Các thủ tục được tổ chức thực hiện đồng thời gồm: cấp giấy phép xây dựng; giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn; đấu nối hạ tầng kỹ thuật; thủ tục giao thông; thủ tục môi trường; chuẩn bị thi công công trình.

Các cơ quan tham gia giải quyết thủ tục có trách nhiệm ưu tiên xử lý hồ sơ; phối hợp xử lý ngay các nội dung phát sinh; cập nhật tiến độ xử lý theo thời gian thực.

7. Yêu cầu về dữ liệu và lưu trữ điện tử

Toàn bộ hồ sơ thiết kế, kết quả thẩm định, văn bản thẩm duyệt và quyết định phê duyệt phải được số hóa; ký số; lưu trữ điện tử; cập nhật trên hệ thống điện tử của tỉnh.

Dữ liệu được chia sẻ liên thông với cơ sở dữ liệu xây dựng; cơ sở dữ liệu đầu tư; cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống quản lý phòng cháy chữa cháy.

Nhà đầu tư được tra cứu tiến độ xử lý; nhận thông báo điện tử; khai thác kết quả điện tử theo phân quyền.

8. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện lập, thẩm tra, thẩm duyệt và phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công là 110 ngày làm việc.

Thời gian nêu trên không bao gồm: thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ; thời gian thí nghiệm, khảo sát bổ sung; thời gian lấy ý kiến cơ quan Trung ương; các trường hợp bất khả kháng theo quy định pháp luật.

Điều 20. Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp

1. Điều kiện triển khai thi công

Dự án chỉ được khởi công khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai; xây dựng; bảo vệ môi trường; phòng cháy chữa cháy; an toàn lao động; quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Nhà đầu tư phải bảo đảm có mặt bằng xây dựng hợp pháp; có giấy phép xây dựng theo quy định; có thiết kế kỹ thuật thi công được phê duyệt; có biện pháp bảo đảm an toàn thi công và bảo vệ môi trường.

2. Nội dung thực hiện chính

a) Cấp giấy phép xây dựng và thông báo khởi công

Nhà đầu tư thực hiện thủ tục: cấp giấy phép xây dựng; thông báo khởi công công trình theo quy định.

Hồ sơ được tiếp nhận và xử lý trên môi trường điện tử.

b) Rà phá bom mìn, vật nổ

Nhà đầu tư thuê đơn vị có đủ điều kiện năng lực thực hiện rà phá bom mìn, vật nổ trong phạm vi dự án.

Công tác rà phá phải bảo đảm an toàn tuyệt đối; tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng và an toàn lao động.

c) Thi công hạ tầng kỹ thuật

Nội dung thi công bao gồm: san lấp mặt bằng; thi công hệ thống giao thông; thi công hệ thống cấp điện; thi công hệ thống cấp nước; thi công hệ thống thoát nước; thi công hệ thống xử lý nước thải; thi công hạ tầng viễn thông và các hạ tầng kỹ thuật khác.

Quá trình thi công phải bảo đảm chất lượng công trình; bảo đảm an toàn lao động; bảo đảm vệ sinh môi trường; bảo đảm an toàn giao thông khu vực.

d) Nghiệm thu hoàn thành công trình

Nhà đầu tư tổ chức: nghiệm thu từng hạng mục; nghiệm thu hoàn thành công trình; nghiệm thu phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Hồ sơ nghiệm thu phải: được số hóa; lưu trữ điện tử; cập nhật trên hệ thống quản lý chuyên ngành.

3. Cơ quan chủ trì và giám sát

a) Cơ quan chủ trì

Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ và thực hiện cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

b) Cơ quan phối hợp giám sát

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh chủ trì phối hợp với: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; các cơ quan chuyên ngành liên quan, để kiểm tra, giám sát quá trình thi công xây dựng công trình.

4. Cơ chế liên thông điện tử

Trạng thái xử lý hồ sơ, giấy phép xây dựng, thông báo khởi công và biên bản nghiệm thu được cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; chia sẻ cho các cơ quan liên quan theo thẩm quyền.

Hồ sơ quản lý chất lượng công trình và hồ sơ hoàn công phải được số hóa; ký số; lưu trữ trên các nền tảng số chuyên ngành.

Nhà đầu tư được theo dõi tiến độ xử lý; nhận thông báo điện tử; khai thác dữ liệu điện tử theo quy định.

5. Điều kiện đưa công trình vào sử dụng

Công trình chỉ được đưa vào sử dụng khi đã được nghiệm thu hoàn thành; đáp ứng yêu cầu an toàn vận hành; đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; đáp ứng yêu cầu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật.

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm quản lý vận hành công trình; bảo đảm an toàn kỹ thuật; thực hiện chế độ bảo trì và vận hành theo quy định.

6. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính

Thời gian thực hiện các thủ tục hành chính phục vụ thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp là 31 ngày làm việc.

Thời gian nêu trên chỉ tính đối với: cấp giấy phép xây dựng; thông báo khởi công; kiểm tra nghiệm thu; các thủ tục hành chính liên quan.

Thời gian trên không bao gồm: thời gian thi công thực tế tại hiện trường; thời gian khắc phục tồn tại kỹ thuật; thời gian xử lý sự cố hoặc bất khả kháng theo quy định pháp luật.

Mục 10

THỦ TỤC THUỘC LĨNH VỰC XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG

Điều 21. Thực hiện các thủ tục lĩnh vực xây dựng và giao thông

1. Mục đích thực hiện

Việc thực hiện các thủ tục lĩnh vực xây dựng và giao thông nhằm bảo đảm kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp với hệ thống giao thông hiện hữu; bảo

đảm an toàn giao thông và an toàn công trình; bảo đảm điều kiện khai thác, vận hành theo quy định pháp luật.

Các thủ tục được thực hiện phù hợp với quy hoạch xây dựng; quy hoạch giao thông; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật liên quan.

2. Các nhóm thủ tục chính

a) Chấp thuận đầu nối giao thông

Xác định vị trí đầu nối giữa hạ tầng khu công nghiệp với hệ thống đường bộ hiện hữu.

Đánh giá: khả năng kết nối giao thông; an toàn giao thông; năng lực khai thác của tuyến đường hiện hữu.

Ban hành văn bản chấp thuận đầu nối theo quy định.

b) Chấp thuận thiết kế nút giao

Thẩm định: giải pháp kỹ thuật nút giao; phương án tổ chức giao thông; bán kính, cao độ, khả năng thoát nước và tải trọng khai thác.

Đánh giá mức độ ảnh hưởng đến hệ thống giao thông hiện hữu; an toàn khai thác công trình đường bộ.

c) Cấp phép thi công nút giao

Thẩm định: biện pháp thi công; phương án tổ chức giao thông tạm; phương án bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

Cấp phép thi công theo quy định pháp luật về quản lý đường bộ.

d) Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

Áp dụng đối với: công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm; đào cắt đường; hoàn trả mặt đường; lắp đặt công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông.

Việc thi công phải bảo đảm an toàn giao thông; an toàn công trình; vệ sinh môi trường; hoàn trả nguyên trạng công trình giao thông.

đ) Chấp thuận hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Rà soát: phương án kỹ thuật; điều kiện đầu nối; khả năng khai thác hạ tầng kỹ thuật dùng chung.

Áp dụng đối với: hệ thống cấp điện; cấp nước; viễn thông; thoát nước; hạ tầng kỹ thuật dùng chung khác.

3. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng và cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chủ trì giải quyết các thủ tục theo phân cấp quản lý tuyến đường.

b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan phối hợp gồm: Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; UBND cấp xã; các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật liên quan.

4. Trình tự thực hiện trên môi trường điện tử

Nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tuyến thông qua: Cổng dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Các cơ quan có thẩm quyền: tiếp nhận hồ sơ điện tử; tổ chức thẩm định song song; chia sẻ dữ liệu trên hệ thống điện tử để theo dõi tiến độ thời gian thực.

Kết quả giải quyết thủ tục: được ký số; phát hành điện tử; cập nhật trên hệ thống để nhà đầu tư khai thác và sử dụng.

5. Cơ chế thực hiện đồng thời

Các thủ tục lĩnh vực xây dựng và giao thông được tổ chức thực hiện đồng thời với giải phóng mặt bằng; thiết kế kỹ thuật thi công; thi công hạ tầng kỹ thuật; thủ tục môi trường; đấu nối hạ tầng kỹ thuật.

Các cơ quan có trách nhiệm ưu tiên xử lý hồ sơ; phối hợp liên thông dữ liệu; giảm tối đa thời gian xử lý hồ sơ theo cơ chế “Luồng xanh”.

6. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

Nhà đầu tư có trách nhiệm: lập đầy đủ hồ sơ kỹ thuật; xây dựng biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông; phối hợp kiểm tra hiện trường theo yêu cầu.

Nhà đầu tư phải: khôi phục nguyên trạng công trình giao thông sau thi công; chịu trách nhiệm về chất lượng hoàn trả mặt đường; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ và tài liệu cung cấp.

7. Thời gian thực hiện

Thời gian giải quyết thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính chuyên ngành.

Trong quy trình liên thông điện tử: các cơ quan thực hiện xử lý song song; ưu tiên liên thông dữ liệu; rút ngắn tối đa tổng thời gian thực hiện dự án so với phương thức xử lý hồ sơ nối tiếp truyền thống.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh

1. Cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện

Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh là cơ quan đầu mối chủ trì tổ chức triển khai Quy trình liên thông điện tử đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; chịu trách nhiệm điều phối tổng thể, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Tiếp nhận và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính

a) Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo đúng quy định của pháp luật và Quy trình này.

b) Tiếp nhận hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ số hóa từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ trước khi chuyển xử lý liên thông.

c) Hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình đăng ký tài khoản, ký số, cập nhật hồ sơ và theo dõi tiến độ giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

3. Điều phối và tổ chức xử lý liên thông

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan chuyên ngành để xử lý các nội dung liên thông thuộc dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

b) Chủ động rà soát tiến độ xử lý giữa các cơ quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, không chồng chéo hoặc kéo dài thời gian xử lý hồ sơ.

c) Tổ chức các cuộc họp liên ngành hoặc họp trực tuyến để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai dự án.

4. Theo dõi, giám sát và cảnh báo tiến độ

a) Theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ của từng cơ quan, đơn vị trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

b) Thực hiện cảnh báo điện tử đối với hồ sơ có nguy cơ quá hạn hoặc chậm tiến độ; đôn đốc cơ quan xử lý thực hiện đúng thời gian quy định.

c) Tổng hợp tình hình giải quyết hồ sơ; định kỳ hàng tháng, quý hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh về tiến độ thực hiện, các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý.

5. Cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả thực hiện

a) Chủ trì rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả thực hiện Quy trình liên thông điện tử; đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian xử lý và các nội dung không còn phù hợp.

b) Đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy trình liên thông điện tử để phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn.

Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương

1. Trách nhiệm chung

a) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định và giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý theo đúng trình tự, thời hạn và quy định chuyên môn.

b) Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh trong quá trình xử lý liên thông hồ sơ dự án.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tiến độ, nội dung tham mưu và kết quả giải quyết thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Trách nhiệm cập nhật và xử lý hồ sơ điện tử

a) Thực hiện tiếp nhận, xử lý, ký số, phát hành văn bản điện tử và cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

b) Bảo đảm việc xử lý hồ sơ được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

c) Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và lưu trữ dữ liệu theo quy định.

3. Trách nhiệm chia sẻ và khai thác dữ liệu dùng chung

a) Có trách nhiệm khai thác và sử dụng dữ liệu điện tử đã được chia sẻ trên hệ thống; không được yêu cầu nhà đầu tư cung cấp lại hồ sơ đã có trên hệ thống hoặc đã được cơ quan khác xác thực hợp lệ.

b) Phối hợp đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh nhằm phục vụ công tác quản lý và theo dõi tiến độ dự án.

4. Trách nhiệm theo lĩnh vực chuyên môn

a) Sở Xây dựng: Chủ trì thẩm định quy hoạch, Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và cấp phép xây dựng theo quy định.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì giải quyết các thủ tục về giao đất, cho thuê đất và các thủ tục về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, lâm nghiệp.

c) Sở Tài chính: Chủ trì hoặc phối hợp thẩm định kinh phí, nghĩa vụ tài chính và các nội dung liên quan đến cơ chế tài chính của dự án.

d) Công an tỉnh: Chủ trì thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

đ) Cơ quan Thuế: Xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai, thuế, phí và lệ phí của dự án.

e) Các cơ quan chuyên ngành khác: Thực hiện trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Phối hợp rà soát hiện trạng sử dụng đất, xác nhận nguồn gốc đất, hiện trạng dân cư và các thông tin liên quan phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

b) Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân; phối hợp lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong phạm vi ảnh hưởng của dự án.

c) Phối hợp kiểm đếm, xác nhận hiện trạng và hỗ trợ công tác bàn giao mặt bằng trên thực địa.

Điều 24. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Tuân thủ quy định pháp luật và nội dung dự án

a) Triển khai dự án đúng nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch xây dựng, thiết kế được phê duyệt và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Tuân thủ các quy định về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và quản lý chất lượng công trình.

2. Trách nhiệm cung cấp và cập nhật hồ sơ

a) Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần và đúng biểu mẫu theo quy định thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của các tài liệu, thông tin đã cung cấp.

c) Kịp thời cập nhật hồ sơ bổ sung, giải trình hoặc chỉnh sửa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thực hiện nghĩa vụ tài chính

a) Thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các nghĩa vụ tài chính liên quan đến dự án, bao gồm: tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật.

b) Thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế, bồi thường thiệt hại tài nguyên hoặc các nghĩa vụ tài chính chuyên ngành khác (nếu có).

4. Phối hợp triển khai dự án

a) Chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước trong quá trình khảo sát hiện trường, kiểm đếm, giải phóng mặt bằng, thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực địa.

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện dự án theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

5. Trách nhiệm về quản lý chất lượng và tiến độ

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng công trình, tiến độ thực hiện dự án và an toàn trong quá trình thi công xây dựng.

b) Tổ chức giám sát thi công, nghiệm thu và quản lý vận hành công trình theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 25. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

1. Phạm vi áp dụng thống nhất

Quy trình này được áp dụng thống nhất đối với toàn bộ nhóm thủ tục hành chính liên quan đến việc triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Xử lý khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị và nhà đầu tư có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý.

3. Cập nhật và áp dụng quy định pháp luật mới

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy trình này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các quy định pháp luật mới ban hành.

4. Bảo đảm vận hành hệ thống điện tử

Việc quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh phải bảo đảm:

- a) An toàn thông tin mạng;
- b) Bảo mật dữ liệu;
- c) Tính liên tục trong xử lý hồ sơ;
- d) Khả năng chia sẻ, tích hợp và lưu trữ dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật.

(Có Phụ lục: Trình tự, thủ tục và thời gian tối đa thực hiện các bước triển khai dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang kèm theo).

PHỤ LỤC

Trình tự, thủ tục và thời gian tối đa thực hiện các bước triển khai dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện tối đa (ngày làm việc)	Ghi chú
*	TỔNG THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ DỰ ÁN	420 ngày	Áp dụng cho quá trình thực hiện không vướng mắc gì
I	Nhà đầu tư quan tâm, khảo sát dự kiến địa điểm đầu tư (Bước 1)		Không tính vào thời gian thực hiện
II	Lập quy hoạch phân khu 1/2000 (Bước 2)	185 ngày	
1	Phân bổ kinh phí, lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu	19 ngày	
2	Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch	20 ngày	
3	Lựa chọn nhà thầu lập quy hoạch	26 ngày	
4	Triển khai lập Quy hoạch	120 ngày	
III	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (Bước 3)	21 ngày	
1	Tiếp nhận và tổ chức thẩm định hồ sơ	06 ngày	
2	Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư	15 ngày	
IV	Giải phóng mặt bằng dự án (Bước 4)	140 ngày	
V	Giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bước 5)	43 ngày	
VI	Các thủ tục thuộc lĩnh vực ngành Nông nghiệp và Môi trường (Bước 6)	135 ngày	Thời gian thực hiện đồng thời trong thời gian giải phóng mặt bằng

TUYÊN QUANG

VII	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi (Bước 7)	75 ngày	Thời gian lập đồng thời trong thời gian giải phóng mặt bằng
VIII	Lập hồ sơ thiết kế cơ sở (Bước 8)	95 ngày	Thời gian lập đồng thời trong thời gian giải phóng mặt bằng
IX	Lập, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (Bước 9)	133 ngày	Thời gian lập đồng thời trong thời gian giải phóng mặt bằng
X	Thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công (Bước 10)	110 ngày	Thời gian thực hiện đồng thời trong thời gian giải phóng mặt bằng
XI	Thi công hạ tầng kỹ thuật (Bước 11)	31 ngày	Không tính thời gian san lấp, thi công hạ tầng kỹ thuật
XII	Các thủ tục thuộc lĩnh vực ngành Xây dựng (Bước 12)	59 ngày	Thời gian thực hiện đồng thời trong thời gian giải phóng mặt bằng